

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 09-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Lê Bình Triệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLST – DS ngày 05 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Lê Văn T (vắng mặt)

2.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trình bày của bà Huỳnh Thị G tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2019 à trong quá trình giải quyết vụ án:*

Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2019, bà G xác định: Bà G và ông Lê Văn T và bà Lê Thị T có quan hệ tham gia chơi hụi với nhau, cụ thể vào năm 2014 bà G mở 09 dây hụi 2.000.000 đồng và 01 dây hụi 1.000.000 đồng, ông T và bà T có tham gia chơi hụi của bà, đã hốt hụi nhưng không góp hụi chết, các dây hụi nêu trên hiện đã

mãn. Do thời gian lâu quá bà không xác định cụ thể từng dây hụi nhưng các bên có làm đối chiếu nợ với nhau. Đến ngày 01/10/2019 ông T và bà T có đối chiếu xác nhận nợ với bà G, nội dung xác định ông T và bà T còn nợ lại bà G số tiền 228.000.000 đồng, ông T và bà T hẹn thanh toán cho bà 1.000.000 đồng/tháng, số tiền thanh toán trong năm là 15.000.000 đồng. Từ khi nhận nợ cho đến nay ông T và bà T không thanh toán nợ như cam kết. Tại phiên tòa, bà G khởi kiện yêu cầu ông T và bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà G số tiền 227.000.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu đồng).

*Trình bày của bà Lê Thị T:*

Bà T thống nhất với lời trình bày của bà G về thời gian chơi hụi và phần nợ hụi như bà G đã trình bày. Bà T thừa nhận vợ chồng bà và ông T có nợ bà G nợ hụi nêu trên, sau nhiều lần đối chiếu nợ với nhau đến ngày 01/10/2019 vợ chồng bà T và ông T còn nợ lại bà G tiền nợ hụi 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng) và hẹn tháng toán mỗi tháng 1.000.000 đồng, số tiền thanh toán trong một năm 15.000.000 đồng. Từ khi hẹn cho đến nay, vợ chồng bà đã thanh toán cho bà G 1.000.000 đồng (một triệu đồng), hiện còn nợ lại 227.000.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu đồng). Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà T và ông T chậm thanh toán nợ cho bà G như đã cam kết trước đó.

Nay bà T thống nhất cùng chồng là ông Lê Văn T thanh toán cho bà G số tiền nợ hụi 227.000.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[2] Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập xét lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Bà Huỳnh Thị G khởi kiện ông Lê Văn T và bà Lê Thị T yêu cầu thanh toán hợp đồng góp hụi. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi (hộ)”. Theo đơn khởi ban đầu và tại phiên tòa hôm nay bà G yêu cầu ông T, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 227.000.000 đồng, không yêu cầu thanh toán lãi. Bà T thống nhất với lời trình bày của bà G tại phiên tòa. Bà thừa nhận vợ chồng bà và ông T có nợ hụi của bà G, đã viết giấy xác nhận nợ vào ngày 10/01/2019 đã nợ bà G số tiền nợ hụi 228.000.000 đồng, đã thanh toán được

1.000.000 đồng, còn nợ lại khoản tiền như bà G yêu cầu và vợ chồng bà thống nhất thanh toán cho bà G khoản nợ này

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại giấy nhận nợ đề ngày 01/10/2020 với nội dung bà Lê Thị T và ông Lê Văn T xác định có nợ của bà G nợ hui 228.000.000 đồng, hẹn thanh toán 1.000.000 đồng/tháng, số tiền thanh toán trong 01 năm là 15.000.000 đồng nhưng bà T và ông T không thanh toán nợ nên phát sinh tranh chấp.

[5] Tại phiên tòa: Bà G yêu cầu bà T và ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ hui là 227.000.000 đồng, bà T thừa nhận vợ chồng bà có nợ hui bà G số tiền này nên chấp nhận thanh toán theo yêu cầu của bà G đặt ra. Do đó, yêu cầu của bà G là có cơ sở chấp nhận, cần buộc bà T và ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà G số tiền nợ hui 227.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G về việc tranh chấp hợp đồng góp hui (họ) với ông Lê Văn T và bà Lê Thị T.

2. Buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị G số tiền 227.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T, bà T chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho bà G thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà T phải nộp phải nộp 11.350.000 đồng (*mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà G không phải chịu án phí. Ngày 13/02/2020, ông bà G nộp tạm ứng án phí số tiền 5.700.000 đồng (*năm triệu bảy trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010909, bà G được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Riêng ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Lan Anh**